

Bản án số: 97/2019/HS-PT
Ngày 10-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn V. Do có kháng cáo của bị hại ông Đinh Trọng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Họ và tên bị cáo bị kháng cáo:

Lê Văn V, sinh năm 1988 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 28/6/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Ông Đinh Trọng N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đinh Trọng N:

Ông Đỗ Thanh V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Ông Đinh Trọng Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:

Ông Lưu Văn D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đinh Trọng N sống cùng dãy trọ với ông Lưu Văn D và Lê Văn V tại địa chỉ số X, khu phố Y, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Quá trình sống tại đây, ông N xảy ra mâu thuẫn với ông D vì con của ông N gây ồn ào trong dãy trọ bị ông D nhiều lần nhắc nhở. Ông D có kể lại việc mâu thuẫn trên cho Lê Văn V (là em vợ của ông D) nghe và bản thân V cũng biết được sự việc mâu thuẫn này. Khoảng 22 giờ ngày 11/01/2016, V uống bia cùng hai người bạn là T1 và L (chưa rõ nhân thân, lai lịch), trong lúc uống bia V kể lại sự việc mâu thuẫn trên cho T1 và L nghe, T1 nói với L và V là sẽ đến để đánh ông D và ông N thì V và L đồng ý. Sau đó, T1 gọi điện thoại cho một người bạn của T1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến uống bia chung. Trong lúc V cùng T1, L đang uống bia thì ông D đi thu tiền nước đá ngang qua, V gọi ông D vào cùng uống bia, trong lúc uống bia ông D có nghe V kể chuyện mâu thuẫn với bị hại N, ông D nói với V “Thôi bỏ đi” thì V nói “Không bỏ qua được”, sau đó ông D đi về phòng trọ trước. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, V dẫn T1, L và bạn của T1 đi về dãy trọ của V. Khi đến nơi V thấy ông N và ông Đinh Trọng Đ (là em ruột của ông N) đang ngồi đánh bài giải trí cùng với ông Cao Văn L1 và ông Đinh Ngọc B tại nhà trọ, V chỉ cho T1, L biết người xảy ra mâu thuẫn với anh rể mình. Lúc này, V đi bộ cùng T1, L và bạn của T1 vào phòng trọ, T1 cầm nón bảo hiểm lao vào đánh ông Đ, ông N, ông B và ông L1. Ông Đ chạy ra ngoài cùng ông L1 thì bị nhóm của V truy đuổi, V chạy về phòng trọ lấy một dao, còn T1, L và người bạn của T1 cũng lấy dao tự chế đuổi theo để chém nhóm của ông N. Nghe có tiếng ồn ào ông D đang ở phòng số 02 mở cửa ra xem thì bị một người (ông D không xác Đ được cụ thể) ném một ghế nhựa trúng vào chân của ông D, tức giận nên ông D lấy một dao chặt đá ném về phía người này nhưng không trúng. Ông D chạy ra nhặt lấy dao thì thấy nhóm của V cầm hung khí truy đuổi nhóm của ông N. Bị truy đuổi, ông B hoảng sợ chạy vào phòng trọ đóng cửa phòng lại, ông N cũng chạy vào phòng trọ của mình nhưng đến cửa phòng thì bị V cùng nhóm của V đuổi kịp chém nhiều nhát vào người gây thương T1ch. Sau đó, nhóm của V lên xe bỏ đi, ông N và ông Đ được mọi người đưa đi cấp cứu.

Bản Kết luận giám Đ pháp y về thương T1ch số 54/2016/GDPY và 55/2016/GDPY cùng ngày 04/3/2018 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích hiện tại của ông Đinh Trọng N là 38% và của ông Đinh Trọng Đ là 02%.

Quá trình điều tra, ngày 17/9/2018 ông Đinh Trọng Đ có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, không yêu cầu xử lý và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết Đ:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được T1nh từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2018 đến ngày 28/6/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

Ngày 11/3/2019 và ngày 14/3/2019, bị hại Đinh Trọng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ có đơn kháng cáo đề nghị truy tố bị cáo V theo khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; điều tra truy tố ông Lưu Văn D theo khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo và ông D trong thời gian điều tra; xác định tư cách tham gia tố tụng của bị hại Đinh Trọng Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra, ông Đ tự nguyện rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án nên cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở xem xét vai trò đồng phạm của ông D, ông Đ đã rút đơn nên không có quyền yêu cầu lại. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, có 02 tình tiết định khung quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên không có căn cứ áp dụng Điều 54 để quyết định mức hình phạt dưới khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, do đó có cơ sở chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo V với mức tăng từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Không thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra lấy lời khai, thu thập chứng cứ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đã liên hệ thực hiện thủ tục của người bảo vệ nhưng suốt quá trình điều tra không được tiếp cận, sao chụp hồ sơ. Đến phiên tòa sơ thẩm mới được thông báo nên người bảo vệ đề nghị hoãn phiên tòa vì chưa được tiếp cận hồ sơ. Do đó, cơ quan điều tra đã vi phạm tố tụng trong việc tạo điều kiện cho người bảo

vệ thực hiện quyền của mình. Quá trình điều tra, cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm cho bị cáo V được tại ngoại trên cơ sở hồ sơ bệnh án của bị cáo. Tuy nhiên, hồ sơ bệnh án được cung cấp sau khi có cáo trạng của Viện Kiểm sát, được đánh số bút lục sau, hồ sơ bệnh án của bị cáo V thể hiện tại Trung tâm Y tế thị xã T nhưng cam kết điều trị bệnh do Phòng khám Đa khoa khu vực phường T xác nhận nên có dấu hiệu giả mạo. Không có căn cứ xác Đ bị cáo bị lao phổi nên không có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ, bị cáo không có mâu thuẫn với bị hại, khi bị hại chạy đến cuối dãy trọ thì bị cáo tiếp tục chém bị hại, do đó hành vi của bị cáo là phạm tội đến cùng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo là không đúng vì bị cáo không thành khẩn, cung cấp hồ sơ y tế giả. Đối với hành vi của ông Lưu Văn D: Có dấu hiệu bỏ bốt tội phạm vì lời khai của ông D không thống nhất, trước đó làm việc tại công an phường, ông D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, sau đó ông D chối tội, biên bản đối chất giữa ông D và ông T2 – là người lấy lời khai của ông D tại công an phường thì ông T2 khai ông T2 không thể tự viết ra lời khai của ông D, lời khai ban đầu của ông D là chứng cứ quan trọng. Việc cơ quan tố tụng bỏ qua lời khai này là không phù hợp. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Trọng Đ thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo V và xem xét vai trò đồng phạm của ông Lưu Văn D.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị hại Đinh Trọng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ được thực hiện trong thời hạn luật Đ nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa ông Lưu Văn D và bị hại Đinh Trọng N trong quá trình ở trọ. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/01/2016, tại nhà trọ số X, khu phố Y, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Văn V cùng người tên T1, L và bạn của T1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng dao là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhất vào người bị hại Đinh Trọng N gây thương T1ch cho bị hại Đinh Trọng N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 38%.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi dùng dao chém vào người bị hại sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của

bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy Đ của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy Đ tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại Đinh Trọng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ:

Đối với kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo V: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bị cáo V và bị hại N không có mâu thuẫn nhưng bị cáo V dùng hung khí gây thương tích cho bị hại, thể hiện bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý vụ án. Bị cáo có 02 tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ”. Do đó, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để áp dụng mức hình phạt 04 (bốn) năm tù đối với bị cáo V là chưa phù hợp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Như vậy, kháng cáo của bị hại ông Đinh Trọng N đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Đối với ông Đinh Trọng Đ do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên ông Đ không có quyền kháng cáo liên quan đến hình phạt đối với bị cáo.

Đối với đề nghị truy tố ông Lê Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” và xác định tư cách tham gia tổ tụng của ông Đinh Trọng Đ, xét thấy: Quá trình điều tra, ông D khai khi bị một người (không rõ) ném ghế trúng vào người, ông D bức tức và lấy dao chặt đá (có hình răng cưa) ném nhưng không trúng. Kết luận giám Đ xác Đ thương tích của bị hại N không có dấu vết của dao hình dạng răng cưa. Quá trình điều tra xác định ông D không thỏa thuận, bàn bạc với bị cáo V cũng như không giúp sức gì cho nhóm của bị cáo V gây thương tích cho bị hại, ông D cũng không gây thương tích cho bị hại. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng lời khai ban đầu của ông D tại công an phường đã thừa nhận việc ông D gây thương tích cho bị hại. Tuy nhiên, thực tế chỉ có 01 biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2016 tại công an phường thể hiện nội dung này nên không thể làm căn cứ xác định hành vi của ông D đã gây thương tích cho bị hại. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 06/7/2018 (bút lục 58), ông D khai dùng dao chặt đá ném vào nhóm người nhưng không trúng, biên bản đối chất trong quá trình điều tra ông D cũng không thừa nhận nội dung này, ngoài ra không có chứng cứ nào khác. Lời khai ban đầu của bị hại N và ông Đ trong quá trình điều tra cũng không xác định chính xác ông D có trực tiếp gây thương tích cho bị hại N hay không (bút lục số 212), sau khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia tố tụng thì bị hại N mới xác Đ ông D gây thương tích cho bị hại. Như vậy, lời khai của bị hại N về xác định ông D có gây thương tích cho bị hại là không có căn cứ. Đồng thời, bị cáo V thừa nhận thương tích của bị hại N là do bị cáo và nhóm của bị cáo gồm người tên T1, L và người bạn của T1 gây nên. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ để điều tra bổ

sung để xác định vai trò của ông D. Kết luận điều tra bổ sung số 10/KLĐTBS ngày 04/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T xác định không đủ căn cứ xử lý đối với ông D. Do đó, không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông D. Mặt khác, đối với thương tích của ông Đ, kết luận giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông Đ là 02% và không có căn cứ xác định thương tích của bị hại Đ là do bị cáo V gây ra, quá trình điều tra ông Đ rút yêu cầu khởi tố vụ án và không yêu cầu xử lý, việc rút đơn của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, ông Đ không có quyền yêu cầu lại. Do đó, kháng cáo của bị hại N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông D là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng cơ quan điều tra có vi phạm tố tụng, không tạo điều kiện cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tiếp cận hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, hồ sơ vụ án thể hiện người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng không có đơn khiếu nại liên quan đến vấn đề này. Mặt khác, tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đã tiếp cận hồ sơ, tham gia tranh tụng trong quá trình xét xử nên việc nghiên cứu, tiếp cận hồ sơ, thực hiện việc bảo vệ quyền lợi cho bị hại vẫn được bảo đảm. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét nội dung trình bày này của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Đối với ý kiến cho rằng bị cáo V cung cấp tài liệu là hồ sơ y tế giả, xét thấy, không có cơ sở để xác định nội dung trình bày này của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là có căn cứ và hồ sơ bệnh án không là căn cứ để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo. Trường hợp người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại biết thông tin liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm thì có thể tố giác tội phạm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đối với ý kiến đề nghị không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo V là có cơ sở chấp nhận, đối với đề nghị truy tố ông Lưu Văn D là không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Đinh Trọng N về hình phạt đối với bị cáo V. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đinh Trọng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ đề nghị truy tố đối với ông Lưu Văn D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T về hình phạt đối với bị cáo V.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 05 (năm) năm tù tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2018 đến ngày 28/6/2018.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị hại Đinh Trọng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Trọng Đ không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã T; | 2 |
| - VKSND thị xã T; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 1 |
| - CQCSĐT CA thị xã T; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Bị hại; | 1 |
| - Người bảo vệ; | 1 |
| - Người liên quan; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn